TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 152/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Minh Trọn**

Ông **Trần Văn Giang**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Châu Sơn Ca -** Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Huy H**, sinh năm: 1978 (có mặt).
Địa chỉ: K 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Bà **Phan Thị L**, sinh năm: 1979 (có mặt).
Địa chỉ: K 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn ông Nguyễn Huy H trình bày:

Ông Nguyễn Huy H và bà Phan Thị L chung sống với nhau như vợ chồng năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Huy H và bà Phan Thị L phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường cải nhau không thể hàn gắn nên ông H yêu cầu ly hôn với bà L. Ông Nguyễn Huy H và bà Phan Thị L có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh năm 2000; Nguyễn Thu Y, sinh năm 2004 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Huy H chung sống với nhau như vợ chồng

năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà L và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Nguyễn Huy H muốn kết hôn với người khác để đi lao động nước ngoài nên xảy ra cự cải. Bà L không đồng ý ly hôn với ông H. Bà L và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh năm 2000; Nguyễn Thu Y, sinh năm 2004 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị L có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Nguyễn Huy H khởi kiện xin ly hôn với bà Phan Thị L nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân: Ông Nguyễn Huy H và bà Phan Thị L chung sống với nhau như vợ chồng năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Tại đơn xin xác nhận ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn C thì thể hiện hôn nhân giữa ông Nguyễn Huy H và bà Phan Thị L không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P. Như vậy, hôn nhân giữa ông Nguyễn Huy H và bà Phan Thị L mặc dù chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó pháp luật không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Huy H và bà Phan Thị L là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Ông Nguyễn Huy H và bà Phan Thị L có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh năm 2000; Nguyễn Thu Y, sinh năm 2004 con chung đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét về nợ chung: nguyên đơn, bị đơn xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Nguyễn Huy H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Huy H và bà Phan Thị L là vợ chồng.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Huy H phải chịu 300.000 đồng. Ông H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018859 ngày 20/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh C được chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh C;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Võ Minh Luân